PHỤ LỤC: TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH CHO TRƯỜNG MẦM NON THẠCH XUÂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của xã Thạch Xuân)

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh về trường Mầm non Thạch Xuân (Mã QHNS 1175093)	Bao gồm				Mã nguồn	Ghi chú
			Dự toán đã giao cho trường MN Thạch Xuân (Mã QHNS: 1109611)		Dự toán đã giao cho trường MN Nam Điền (Mã QHNS: 1130430)			
			Tổng dự toán giao	Trong đó: Số đã sử dụng đến 31/8/2026	Tổng dự toán giao	Trong đó: Số đã sử dụng đến 31/8/2026		
A	**CỘNG KINH PHÍ THEO MÃ CHƯƠNG, LOẠI, KHOẢN, NGUỒN**	**11.668.387.000**	**5.579.941.000**	**4.050.587.614**	**6.088.446.000**	**4.640.072.226**		
1	Chương 822, Loại 070, Khoản 071, Mã nguồn 13	10.388.771.000	4.936.545.000	3.607.019.614	5.452.226.000	4.198.912.226		
2	Chương 822, Loại 070, Khoản 071, Mã nguồn 12	776.900.000	403.200.000	323.470.000	373.700.000	309.900.000		
3	Chương 822, Loại 070, Khoản 071, Mã nguồn 18	502.716.000	240.196.000	120.098.000	262.520.000	131.260.000		
B	**CHI TIẾT THEO TỪNG NỘI DUNG**	**11.668.387.000**	**5.579.941.000**	**4.050.587.614**	**6.088.446.000**	**4.640.072.226**		
I	**Kinh phí giao tự chủ**	**10.388.771.000**	**4.936.545.000**	**3.607.019.614**	**5.452.226.000**	**4.198.912.226**		
1	Kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	9.285.025.000	4.413.499.000	3.226.549.104	4.871.526.000	3.660.490.000	Nguồn 13	
2	Chi hoạt động thường xuyên (đã trừ tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương và tiết kiệm thêm 10% để bổ sung chính sách an sinh xã hội; tiết kiệm thêm 5% theo khoản 2 điều 1 NQ 135/NQ-CP)	1.103.746.000	523.046.000	380.470.510	580.700.000	538.422.226	Nguồn 13	
II	**Kinh phí giao không tự chủ**	**1.279.616.000**	**643.396.000**	**443.568.000**	**636.220.000**	**441.160.000**		

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh về trường Mầm non Thạch Xuân (Mã QHNS 1175093)	Bao gồm				Mã nguồn	Ghi chú
			Dự toán đã giao cho trường MN Thạch Xuân (Mã QHNS: 1109611)		Dự toán đã giao cho trường MN Nam Điền (Mã QHNS: 1130430)			
			Tổng dự toán giao	Trong đó: Số đã sử dụng đến 31/8/2026	Tổng dự toán giao	Trong đó: Số đã sử dụng đến 31/8/2026		
1	Qũy tiền thưởng Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	502.716.000	240.196.000	120.098.000	262.520.000	131.260.000	Nguồn 18	
2	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3 đến 5 tuổi	198.000.000	107.200.000	31.520.000	90.800.000	27.000.000	Nguồn 12	
3	Hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	306.900.000	135.000.000	130.950.000	171.900.000	171.900.000	Nguồn 12	
4	Hỗ trợ kinh phí phần mềm kế toán, quản lý tài sản	22.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	Nguồn 12	
5	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất	250.000.000	150.000.000	150.000.000	100.000.000	100.000.000	Nguồn 12	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ